

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
Quản trị báo chí - truyền thông trình độ thạc sĩ của Trường Đại học  
Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-KĐCLGDTL ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 19 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 06 chương trình đào tạo của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản trị báo chí - truyền thông trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 19 ngày 26 tháng 5 năm 2025.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản trị báo chí - truyền thông trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản trị báo chí - truyền thông trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản trị báo chí - truyền thông trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 47 tiêu chí (chiếm 94%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản trị báo chí - truyền thông trình độ thạc sĩ (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Quản trị báo chí - truyền thông trình độ thạc sĩ cho Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH KHXHNV, ĐHQGHN;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đường





## Phụ lục I

### Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Quản trị báo chí - truyền thông trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐKĐCLGD ngày 31/5/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 2</b>		4,00	3	100
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 3</b>		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 4</b>		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 6</b>		4,14	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 7</b>		4,20	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	5			
Tiêu chí 7.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 8</b>		4,20	5	100
Tiêu chí 8.1	5			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 9</b>		4,40	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	5			
Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 9.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 10</b>		4,17	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	5			
<b>Tiêu chuẩn 11</b>		4,40	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 11.4	5			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,10	47	94





## Phụ lục II

# Kiến nghị cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Quản trị báo chí - truyền thông trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐKĐCLGD ngày 31/5/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

## I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Quản trị báo chí - truyền thông trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học được quy định tại Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT bao gồm kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có sự tham gia của các chuyên gia, giảng viên, người học, cựu người học trong các lần rà soát. Mục tiêu và chuẩn đầu ra đã được công bố công khai, rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau.

2. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung theo quy định hiện hành, được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan. Tất cả các đề cương chi tiết có đầy đủ thông tin theo quy định và được định kỳ rà soát cập nhật bổ sung, điều chỉnh theo kế hoạch chung của Trường. Bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết một cách dễ dàng và thuận tiện.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm với các nhóm học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Chương trình dạy học có xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, học tập phù hợp với tất cả các học phần nhằm đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Các học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý, được rà soát, điều chỉnh; có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra. chương trình dạy học có đối sánh CTĐT với ngành Quản trị truyền thông của trường Đại học Stirling (nước Anh).

4. Trường và Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông đã có văn bản chính thức tuyên bố về triết lý giáo dục của Trường và Viện. Toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học hiểu rõ ý nghĩa triết lý giáo dục của Trường và đã chuyển tải vào các hoạt động của mình. Triết lý giáo dục của Trường và Viện đã được phổ biến đầy đủ đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Viện và giảng viên lựa chọn, sử dụng và hướng dẫn người học sử dụng các phương pháp giảng dạy phong phú và hiệu quả. Hầu hết giảng viên và người học đều hài



lòng về các hoạt động dạy học/phương pháp dạy và học được thực hiện trong quá trình giảng dạy và học tập. Tất cả các đề cương chi tiết trong CTĐT mô tả rõ các phương pháp giảng dạy phù hợp, chú ý đến khả năng tự học tự nghiên cứu của người học. Các phương pháp giảng dạy được giảng viên sử dụng đã góp phần hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Trường đã có các văn bản hướng dẫn về việc xác định các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt chuẩn đầu ra. Trường đã ban hành đầy đủ các quy định về đánh giá kết quả, quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, quy định về khiếu nại kết quả học tập, phúc khảo bài thi. Các quy định này đã được Trường công khai trên các phương tiện khác nhau và đã được phổ biến đầy đủ đến người học. Người học hài lòng với kết quả xử lý các khiếu nại về kết quả học tập.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch, phát triển dựa trên Chiến lược phát triển của Trường và của Khoa, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định, được giám sát chặt chẽ làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại hàng năm. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển và được công bố công khai. Hoạt động đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng. Kết quả đánh giá được công bố công khai. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; có nhiều bài báo công bố trên các tạp chí Quốc tế, quốc gia và báo cáo khoa học công bố trong kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

7. Nhu cầu đội ngũ nhân viên phục vụ được dự báo trong Chiến lược phát triển Trường và phát triển theo đề án vị trí việc làm, xác định rõ số lượng đội ngũ chuyên viên, nhân viên, đáp ứng nhu cầu của Trường/Khoa. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển chuyên viên, nhân viên được xác định rõ ràng, được phổ biến công khai. Năng lực đội ngũ chuyên viên, nhân viên được xác định và đánh giá hàng năm. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên viên, nhân viên được xác định. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ được xây dựng và thực hiện. Hoạt động đánh giá hiệu quả công việc được thực hiện dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm. Đội ngũ nhân viên tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh hằng năm của trường và được công khai dưới nhiều hình thức. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh đa dạng với các kênh truyền tải đến nhiều bên liên quan. Kết quả tuyển sinh ổn định, đủ chỉ tiêu và điểm xét tuyển khá cao. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng và được rà soát, đánh giá hằng năm. Hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học được xác định rõ ràng, phân công cụ thể. Công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, tư vấn việc làm cho người học có sự phân công trách nhiệm rõ ràng. Hoạt động tư vấn và hỗ trợ



cho người học đa dạng, thiết thực và được đồng đảo người học tham gia. Môi trường tâm lý, văn hoá, học tập thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học và thực hiện khá nhiều giải pháp đảm bảo các điều kiện vệ sinh, an toàn.

9. Nhà trường có đủ hệ thống giảng đường, phòng làm việc và các phòng chức năng, đặc biệt là phòng họp trực tuyến và phòng học thông minh, cùng các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trung tâm Thư viện - Tri thức số Đại học Quốc gia Hà Nội và phòng tư liệu của Khoa cung cấp đầy đủ học liệu cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu của CTĐT. Trường có đủ phòng thực hành máy tính, phòng thực hành ngoại ngữ, với trang thiết bị cơ bản để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu cho CTĐT. Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư, phát triển mạnh để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Môi trường, sức khỏe và an toàn được quy định rõ ràng có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập với sự tham gia của các đơn vị có liên quan. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Trường được thiết lập, được rà soát đánh giá và cải tiến. Giảng viên, nghiên cứu viên tham gia thực hiện CTĐT có một số kết quả nghiên cứu khoa học, bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế và trong nước có nội dung được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá và cải tiến. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định rõ ràng, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến rõ rệt.

11. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, được xác lập, giám sát, đánh giá. Nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học được phân tích làm cơ sở đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên của CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp được xây dựng và cập nhật. Loại hình và số lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên được thiết lập, giám sát, đánh giá. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên, người học về các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ được triển khai.

## **II. KIẾN NGHỊ**

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát mục tiêu của CTĐT, bổ sung, trình bày rõ định hướng ứng dụng; xác định rõ việc sử dụng kết quả đối sánh với mục tiêu của CTĐT ngành Quản trị báo chí truyền thông của trường đại học Stirling (nước Anh) để xem xét điều chỉnh



hoặc xác định tính đặc thù của ngành tại Trường; bổ sung chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; rà soát, chỉnh sửa các chuẩn đầu ra của CTĐT đảm bảo rõ ràng, tương thích có định hướng, có thể đo lường được, nhất quán với mục tiêu của CTĐT; rà soát, phân tích, đánh giá kết quả khảo sát đầy đủ hơn, sâu sắc hơn để có thể đưa ra những nhận định chính xác và từ đó đưa ra các giải pháp cải tiến hiệu quả.

2. Ban hành “Bản mô tả CTĐT” theo quy định hiện hành của Trường và Đại học Quốc gia Hà Nội; rà soát, chỉnh sửa Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT để bảo đảm cho có sự chính xác; rà soát, bổ sung đề cương chi tiết học phần Triết học vào CTĐT; trình bày rõ hơn mối quan hệ giữa hình thức kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; rà soát danh mục Học liệu học tập đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản khác nhau khi công bố cho các bên liên quan; hướng dẫn cụ thể và phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan biết cách tiếp cận bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần của CTĐT; tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về khả năng và mức độ thuận tiện trong việc tiếp cận CTĐT và các đề cương chi tiết đã được Trường công bố công khai để có những điều chỉnh cho phù hợp.

3. Định kỳ rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của tổ hợp các phương pháp dạy học và tổ hợp các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá đối với từng nhóm chuẩn đầu ra khác nhau của CTĐT và các đề cương học phần để có cơ sở điều chỉnh, chọn lọc hiệu quả hơn, nhất là chuẩn đầu ra về các kỹ năng tư duy bậc cao và mức độ tự chủ và trách nhiệm; điều chỉnh mẫu đề cương học phần, bổ sung ma trận thể hiện sự tương thích giữa phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá với từng chuẩn đầu ra của học phần cũng như giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát bảng ma trận kỹ năng của CTĐT để xác định và điều chỉnh vị trí, đóng góp của một số học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ tương thích giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học phần với chuẩn đầu ra của học phần để cải tiến chất lượng; định kỳ rà soát chương trình dạy học và bổ sung các học phần theo xu hướng hiện đại; có thêm hoạt động kết nối giữa người học với các cơ quan báo chí và doanh nghiệp; phân tích đầy đủ kết quả đối sánh để rút ra nhận xét cũng như kết luận cần thiết để áp dụng vào CTĐT của Trường.

4. Tăng cường hơn nữa việc chuyển tải nội dung triết lý giáo dục của Trường vào các hoạt động giảng dạy và học tập, tiếp tục phổ biến, giải thích để các bên liên quan, nhất là các đối tượng ngoài Trường, biết và hiểu rõ ý nghĩa triết lý giáo dục của Trường; khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên với các hoạt động dạy và học được sử dụng trong CTĐT; có cơ chế giám sát hoạt động tự học của người học.

5. Ban hành quy định về công tác khảo thí của Trường để phù hợp với quy định và điều kiện thực tiễn với các hình thức thi đa dạng như: Tự luận, tiểu luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thuyết trình; đa dạng hóa các hình thức thi giữa kỳ và thi hết học phần để nâng cao hiệu quả đào tạo và phát triển các kỹ năng thực hành; hướng dẫn chi tiết tiêu chí đánh giá cụ thể cho các nội dung tự học; phân tích kết



quả học tập của người học để có cơ sở trong việc điều chỉnh đề thi cho phù hợp, đảm bảo độ chính xác; tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần của CTĐT, điều chỉnh, cải tiến tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá, đảm bảo đo lường được các yêu cầu, đảm bảo độ tin cậy; tích hợp việc giải quyết khiếu nại của người học về kết quả học tập vào phần mềm tra cứu điểm trong cổng thông tin cá nhân của người học để thuận tiện cho việc theo dõi và thực hiện khi có nhu cầu.

6. Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ gắn với yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên để tạo động lực cho giảng viên; xây dựng và thực hiện quy định về khối lượng công việc cụ thể (KPIs) để quản trị, đánh giá giảng viên/nghiên cứu viên thông qua kết quả các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; tăng cường bồi dưỡng giảng viên, nghiên cứu viên về phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá và khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng thông qua các nội dung đã thực hiện; phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên để xác định mức độ đáp ứng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ dựa trên giải pháp đề cập trong Chiến lược phát triển Trường; thực hiện đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học làm căn cứ xây dựng chiến lược, chính sách phát triển khoa học công nghệ của Trường.

7. Tổ chức sơ kết, đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển của Trường làm cơ sở điều chỉnh số lượng nhân viên cho phù hợp với thực tế và đề án vị trí việc làm giai đoạn 2024 - 2026 của Trường; tổ chức đánh giá sự phù hợp giữa các năng lực của vị trí việc làm của các nhân viên với thực tế thực hiện nhiệm vụ và xây dựng các KPIs cho từng vị trí việc làm của đội ngũ chuyên viên, nhân viên; khảo sát lấy ý kiến giảng viên đánh giá về chất lượng và thái độ của đội ngũ chuyên viên, nhân viên và lấy ý kiến đội ngũ chuyên viên, nhân viên về thực hiện quy định/quy trình đánh giá đội ngũ chuyên viên, nhân viên; tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng theo từng vị trí việc làm của đội ngũ chuyên viên, nhân viên làm cơ sở cải tiến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp.

8. Chú trọng thu thập sự góp ý của các bên liên quan bên ngoài Trường về các chính sách và quy định tuyển sinh, các tiêu chí và phương pháp xét tuyển người học để có sự điều chỉnh phù hợp hơn; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo giúp cho công tác theo dõi theo dõi sự tiến bộ của người học được hiệu quả hơn; tổ chức hội nghị/hội thảo phân tích, đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học để có giải pháp nâng cao hiệu quả cho các hoạt động này; rà soát, điều chỉnh và ban hành chính thức các bộ quy tắc ứng xử, quy tắc văn hoá để cán bộ, giảng viên và người học chủ động hơn trong việc thực hiện; nghiên cứu, bố trí thêm vườn hoa, cây cảnh, không gian dành cho các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, các hoạt động văn hoá, thể thao, hoạt động của các câu lạc bộ sinh viên và khu vực để xe hợp lý.

9. Rà soát mức độ đáp ứng về diện tích và trang thiết bị chuyên dụng đáp ứng quy định của Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;



đầu tư mua bản quyền và chuyển đổi tài liệu về dạng số; rà soát, đánh giá mức độ sử dụng thiết bị thực hành theo Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ và liên thông toàn diện với dữ liệu Đại học Quốc gia Hà Nội; xây dựng phần mềm quản trị đại học số đảm bảo tính tổng thể, tích hợp, kế thừa, có khả năng chuyển đổi, an toàn, bảo mật, hợp lý và hiệu quả; ban hành bộ tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn; tổ chức khảo sát người học và các bên liên quan về việc thực hiện bộ tiêu chuẩn này.

10. Chú trọng thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực của các vị trí việc làm tại nơi sử dụng lao động làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT và chương trình dạy học; xây dựng quy trình, hướng dẫn cụ thể hoạt động thiết kế, phát triển đề cương chi tiết các học phần và chương trình dạy học, hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả ma trận chuẩn đầu ra và các học phần của chương trình dạy học trong việc xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung học tập, phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần; đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra; tổ chức phân tích, đánh giá đề thi; phân tích đánh giá phổ điểm và mối tương quan giữa kết quả kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; đầu tư nhiều hơn cho hoạt động nghiên cứu khoa học; kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu chuyên sâu của CTĐT và nghiên cứu phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học của chính CTĐT đang được tổ chức đào tạo tại Trường; bổ sung các tiêu chí đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, đánh giá đầy đủ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của phòng thực hành và hệ thống công nghệ thông tin; tách riêng kết quả đánh giá cho CTĐT; xác định vị trí, vai trò, chức năng của Hội đồng bảo đảm chất lượng, thể hiện trong cơ cấu tổ chức của Trường để tăng cường sự kết nối và trao đổi thông tin giữa các bên liên quan, nâng cao hiệu quả cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

11. Thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học; xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập; có giải pháp cụ thể, phù hợp để lựa chọn một số cơ sở giáo dục cho hoạt động đối sánh về tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và đối sánh về loại hình, số lượng nghiên cứu khoa học cùng ngành đào tạo, kết quả đối sánh được sử dụng để cải tiến số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học của người học; sử dụng kết quả đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các lĩnh vực này, từng bước góp phần nâng cao chất lượng của CTĐT.



Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Quản trị báo chí - truyền thông, trình độ thạc sĩ của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.